

\*

## QUY CHẾ

Nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố  
trực thuộc Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21 tháng 12 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

-----

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định các hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên (bao gồm cả giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng); tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quy chế này áp dụng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### **Điều 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu đề án, đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa;

2. Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng của trường, địa phương;

3. Biên soạn lịch sử trường, lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử ngành;

4. Viết đề dẫn, bài tham luận, bài kết luận hội thảo, tọa đàm khoa học quốc tế, cấp quốc gia, cấp bộ, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa;

5. Tham gia Hội đồng nghiệm thu đề án, đề tài, chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập;

6. Viết bài công bố trên báo, tạp chí in và điện tử; trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương, quốc tế; kỷ yếu khoa học, bản tin;

7. Khảo sát thực tế phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng; tổng kết thực tiễn;

8. Viết sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập.

#### **Điều 3. Trách nhiệm nghiên cứu khoa học**

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên có trách nhiệm nghiên cứu khoa học.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác theo quy định để cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học là một trong những căn cứ đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hằng năm.

## Chương II

### ĐỊNH MỨC VÀ QUY ĐỔI KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### Điều 4. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

1. Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với mỗi chức danh tương đương với một công trình nghiên cứu khoa học.

2. Khung định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với giảng viên

a) Giảng viên:

- Giảng viên tập sự: 80 giờ chuẩn.

- Giảng viên: 270 giờ chuẩn.

b) Giảng viên chính: 290 giờ chuẩn.

c) Giảng viên cao cấp: 310 giờ chuẩn.

3. Giảng viên nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được giảm 10% định mức giờ chuẩn; giảng viên đi học không tập trung được giảm tỷ lệ định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ (hoặc của giảng viên kiêm nhiệm, nếu là giảng viên kiêm nhiệm) tương ứng với thời gian học; giảng viên đi thực tế có kỳ hạn được giảm tỷ lệ định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ (hoặc của giảng viên kiêm nhiệm, nếu là giảng viên kiêm nhiệm) tương ứng với thời gian đi thực tế. Trường hợp giảng viên đồng thời thực hiện các nội dung nêu trên thì được cộng dồn mức giảm tỷ lệ định mức giờ chuẩn.

4. Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học vượt định mức được tính thành tích thi đua và được chuyển đổi sang giờ giảng dạy trong trường hợp thiếu giờ giảng định mức và không thanh toán tiền vượt giờ, không tính cho năm tiếp theo.

#### Điều 5. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học của giảng viên kiêm nhiệm

1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn như sau:

Chức danh	Định mức
Hiệu trưởng	15% - 20%
Phó Hiệu trưởng	20% - 25%
Trưởng phòng	25% - 30%
Phó trưởng phòng	30% - 35%
Trưởng khoa	75% - 80%
Phó trưởng khoa	80% - 85%
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn	55% - 60%
Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn, Trưởng Ban thanh tra nhân dân, Trưởng Ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn trường, Tổ trưởng Thanh tra đào tạo, bồi dưỡng	60% - 65%
Phó Bí thư Đoàn trường	85% - 90%

2. Giảng viên nếu giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm nhiều công tác thì chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất.

3. Giảng viên được điều về công tác tại các phòng chức năng của nhà trường mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác thì định mức nghiên cứu khoa học là 40% định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ.

### **Điều 6. Quy đổi kết quả nghiên cứu khoa học**

1. Các công trình được quy đổi như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên công việc</b>	<b>Quy đổi</b>
1.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	600 giờ chuẩn/đề tài
2.	Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học, đề án cấp bộ, tỉnh	500 giờ chuẩn/đề tài
3.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học, đề án cấp cơ sở	200 giờ chuẩn/đề tài
4.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa	100 giờ chuẩn/đề tài
5.	Thành viên tham gia các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp, đề án	- Thư ký đề tài, đề án bằng 30% mức giờ của Chủ nhiệm. - 70% mức giờ của Chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên tham gia, theo đăng ký tham gia trong đề tài
6.	Tham gia biên soạn giáo trình	100 giờ/bài hoặc chuyên đề
7.	Biên soạn tài liệu, tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo, lịch sử nhà trường, địa phương được nghiệm thu và xuất bản, đưa vào sử dụng trong nhà trường	- Chủ biên: 300 giờ chuẩn/01 công trình. (nếu đồng chủ biên thì chia đều). - Thư ký biên tập bằng 30% mức giờ chuẩn của chủ biên. - Thành viên: 80 giờ chuẩn/bài hoặc chuyên đề
8.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có mã số ISI hoặc Scopus	300 giờ chuẩn/01 bài
9.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN, kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính 1,0 điểm. Nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/01 bài	100 giờ chuẩn/01 bài
10.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính dưới 1,0 điểm. Nếu đăng trên	90 giờ chuẩn/01 bài

TT	Tên công việc	Quy đổi
	tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/01 bài	
11.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN nhưng không được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm; Bản tin Thông tin công tác trường chính trị	60 giờ chuẩn/1 bài
12.	Bài báo khoa học công bố trên báo Trung ương	60 giờ chuẩn/1 bài
13.	Bài báo khoa học công bố trên báo địa phương hoặc bản tin của trường	40 giờ chuẩn/1 bài
14.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế	200 giờ chuẩn/1 bài
15.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp bộ/tỉnh	90 giờ chuẩn/1 bài
16.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp cơ sở	60 giờ chuẩn/1 bài
17.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp khoa	40 giờ chuẩn/1 bài
18.	Báo cáo kết quả khảo sát thực tế phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn	50 giờ chuẩn/1 bài
19.	Báo cáo kiến nghị được chất lọc từ kết quả nghiên cứu khoa học	50 giờ chuẩn/1 bài
20.	Báo cáo tổng kết thực tiễn cấp tỉnh	250 giờ chuẩn/1 bài
21.	Báo cáo tổng kết thực tiễn cấp trường	150 giờ chuẩn/1 bài
22.	Bài viết nghiên cứu khoa học đăng trên trang thông tin điện tử Trung ương	50 giờ chuẩn/1 bài
23.	Bài viết nghiên cứu khoa học đăng trên trang thông tin điện tử địa phương, trường	40 giờ chuẩn/01 bài
24.	Bài nhận xét thẩm định sau nghiệm thu (hoặc trước khi xuất bản) của đề án, chương trình, đề tài cấp bộ, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng	60 giờ chuẩn/1 bài
25.	Bài nhận xét thẩm định sau nghiệm thu (hoặc trước khi xuất bản) của đề án, chương trình, đề tài cấp tỉnh, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; Bài nhận xét của phản biện hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ	50 giờ chuẩn/1 bài
26.	Bài nhận xét của chủ tịch hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ, tỉnh	40 giờ chuẩn/1 bài
27.	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ; Bài nhận xét của phản biện hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh; Bài nhận xét của chủ tịch hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường	40 giờ chuẩn/01 bài
28.	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề	30 giờ chuẩn/01 bài

TT	Tên công việc	Quy đổi
	tài cấp tỉnh; Bài nhận xét của phản biện hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường; Bài nhận xét của chủ tịch hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa.	
29.	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp trường; Bài nhận xét của phản biện hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa	20 giờ chuẩn/1 bài
30.	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng nghiệm thu đề tài cấp khoa	10 giờ chuẩn/1 bài
31.	Sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập được Hội đồng khoa học thẩm định và sử dụng trong nhà trường	70 giờ chuẩn/1 bài
32.	Biên tập bài đăng tạp chí bản tin “Thông tin Lý luận và Thực tiễn”, bài nghiên cứu đăng đăng trang thông tin điện tử, biên tập bài hội thảo khoa học của nhà trường	20% giờ quy đổi của công trình biên tập

2. Đề tài được triển khai đúng tiến độ và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên. Nếu một công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học khác nhau, được trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học khác nhau, v.v.. thì chỉ được tính một lần theo chuẩn cao nhất (không cộng dồn).

3. Đối với các bài viết có nhiều tác giả tham gia thì số giờ chuẩn của bài được chia đều cho mỗi tác giả.

### **Chương III** **HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

#### **Điều 7. Thành lập Hội đồng**

1. Hội đồng khoa học là tổ chức tư vấn khoa học của nhà trường, có chức năng tư vấn cho hiệu trưởng về hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động có liên quan.

2. Hội đồng khoa học do hiệu trưởng quyết định thành lập. Số thành viên của Hội đồng không quá 9 người.

#### **Điều 8. Thành phần của Hội đồng**

1. Chủ tịch Hội đồng là hiệu trưởng.

2. Phó chủ tịch Hội đồng là các phó hiệu trưởng.

3. Thư ký, ủy viên thường trực của Hội đồng là 1 lãnh đạo Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Ủy viên Hội đồng gồm: đại diện lãnh đạo các khoa, một số cán bộ nghiên cứu, giảng viên (kể cả giảng viên thỉnh giảng) có khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học được hiệu trưởng chỉ định.

#### **Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng**

1. Tư vấn phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, quy trình tổ chức hoạt động khoa học và các hoạt động khác có liên quan của nhà trường.

2. Đánh giá, thẩm định kế hoạch, thuyết minh, kết quả của đề án, đề tài, công trình khoa học, sáng kiến - kinh nghiệm và tham gia những hoạt động có liên quan của nhà trường.

3. Kiến nghị các hình thức sử dụng công trình khoa học đã thẩm định, khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường.

#### **Điều 10. Nhiệm vụ của thành viên trong Hội đồng**

1. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hội đồng.

2. Phó chủ tịch Hội đồng thực hiện những nhiệm vụ do chủ tịch Hội đồng phân công.

3. Thư ký Hội đồng chuẩn bị chương trình, kế hoạch, tài liệu, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; giữ mối liên hệ thường xuyên giữa các thành viên trong Hội đồng; phối hợp với các khoa, phòng có liên quan chuẩn bị điều kiện hoạt động của Hội đồng.

4. Các thành viên của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ cụ thể do chủ tịch Hội đồng phân công.

#### **Điều 11. Thời gian nhiệm kỳ và chế độ hội họp của Hội đồng**

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học là 5 năm. Trong thời gian nhiệm kỳ, việc thay đổi, bổ sung ủy viên Hội đồng do hiệu trưởng quyết định.

2. Hội đồng họp định kỳ 6 tháng/lần và họp đột xuất khi cần thiết. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

### **Chương IV**

## **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, ĐỀ TÀI**

#### **Điều 12. Xây dựng các đề án, đề tài**

1. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh do trường đề xuất, xây dựng thuyết minh đề cương, làm thủ tục đăng ký với sở khoa học và công nghệ và các cơ quan có liên quan.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp khoa do khoa, phòng, cá nhân đề xuất, hiệu trưởng quyết định trong kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm của nhà trường.

3. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học hiệu trưởng giao nhiệm vụ do ban giám hiệu đề xuất.

#### **Điều 13. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học**

1. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường và Hội đồng khoa học do hiệu trưởng quyết định.

2. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp khoa theo quy định hiện hành của Nhà nước và nhà trường.

3. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 14. Nghiệm thu đề án, đề tài**

1. Hội đồng nghiệm thu đề án, đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp khoa, Hội đồng nghiệm thu sáng kiến - kinh nghiệm do hiệu trưởng quyết định; việc nghiệm

thu đề án, đề tài khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên thì được thanh lý hợp đồng.

## Chương V KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

### Điều 15. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học thì được Hiệu trưởng xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng.

### Điều 16. Kỷ luật

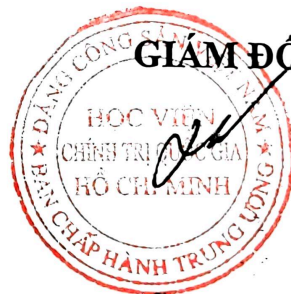
Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Hiệu trưởng có hình thức xử lý, kỷ luật thích hợp hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

## Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Hiệu trưởng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các trường báo cáo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét, quyết định.



**Nguyễn Xuân Thắng**